

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH L
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2023/HS-ST
Ngày: 28 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH L, TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Quang Ái;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lưu Văn Ninh và ông Hoàng Đức Cường.

- **Thư ký phiên toà:** ông Nguyễn Thế Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh L.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh L tham gia phiên toà:**
ông Từ Văn Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh L, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 69/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2023, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

- **Trần Văn T** - sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn CKL, xã TT, huyện Thanh L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; có vợ Trần Thị L (đã ly hôn), con: chưa có; tiền án: ngày 17/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh L, tỉnh Hà Nam xử phạt 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/02/2021, ngày 29/7/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh L xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/4/2023; tiền sự: không; nhân thân: ngày 09/6/1994 bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Hà xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản công dân” và 01 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản công dân”, tổng hợp hình phạt là 06 năm tù; ngày 10/7/1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 14 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân”; ngày 27/10/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xử phạt 18 tháng tù về tội “Vô ý gây thương tích”; ngày 28/3/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/5/2023 đến ngày 04/6/2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

- **Bị hại:** bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1960; nơi cư trú: thôn HTN, xã L S, huyện T L, tỉnh Hà Nam, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Bà Phạm Thị L1 - sinh năm 1974; vắng mặt.

2. Ông Trần Xuân Đ - sinh năm 1967; vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: thôn CKL, xã TT, huyện Thanh L, tỉnh Hà Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 24/5/2023, Trần Văn T điều khiển xe máy điện biển kiểm soát 90MĐ1 - 123.71 mượn của anh trai là anh Trần Xuân Đ đi đến địa bàn xã L Sơn, huyện Thanh L. Khi đi qua nhà bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1960, trú tại thôn HTN, xã L Sơn, thấy bà L đang ngồi ở sân nên dừng lại, T dựng xe rồi đi đến xin bà L nước uống thì bà L đồng ý nhưng vẫn ngồi ngoài sân còn T đi vào trong gian bếp ăn để lấy nước thì nhìn thấy ở mâm có đầy lồng bàn để trên giá kim loại kê trong gian bếp ăn có 01 chiếc túi xách nên nảy sinh ý Đ trộm cắp. T mở lồng bàn rồi cầm chiếc túi xách mang ra khu vực cửa nhà vệ sinh mở kiểm tra, lấy số tiền 500.000 đồng gồm nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau cất giấu vào túi quần, để chiếc túi xách vào vị trí cũ quay ra chào bà L rồi điều khiển xe quay về nhà, tiêu xài hết số tiền trên. Ngày 25/5/2023 sau khi phát hiện mất số tiền 500.000 đồng, bà Nguyễn Thị L đã làm đơn trình báo Công an xã L Sơn, đơn vị này đã thu thập xác minh ban đầu và chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh L để điều tra theo thẩm quyền.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh L đã tiến hành khám nghiệm hiện trường theo quy Đ và tiến hành các biện pháp xác minh, thu giữ đồ vật, tài sản gồm: 01 chiếc túi xách có quai giả da do bà Nguyễn Thị L giao nộp; 01 xe máy điện biển kiểm soát 90MĐ1 - 123.71 kèm theo 01 đăng ký xe do vợ ông Đ là bà Phạm Thị L1 - sinh năm 1974, trú tại thôn CKL, xã TT tự nguyện giao nộp.

Ngoài ra còn trích xuất sao lưu hình ảnh liên quan đến vụ án được lưu trong 01 USB niêm phong trong phong bì ký hiệu M.

Khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Trần Văn T tại thôn CKL, xã TT, huyện Thanh L đã phát hiện thu giữ 01 áo phông cộc tay bằng vải màu xanh có sọc kẻ ngang màu trắng xanh.

* Về xử lý vật chứng: Tài liệu điều tra xác Đ 01 chiếc túi xách có quai giả da là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị L; 01 xe máy điện biển kiểm soát 90MĐ1 - 123.71 kèm theo 01 đăng ký xe là tài sản hợp pháp của bà Phạm Thị L1. Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh L đã ra Quyết Đ xử lý vật chứng trả lại tài sản nêu trên cho bà L, bà L1.

* Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu Trần Văn T phải bồi thường số tiền 500.000 đồng, đến nay Trần Văn T chưa thực hiện việc bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 72/CT-VKS-SH ngày 03/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh L đã truy tố Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy Đ tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh L giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự - xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 15 đến 18 tháng tù. Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: căn cứ các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Trần Văn T phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án 01 USB lưu hình ảnh liên quan đến vụ án, niêm phong ký hiệu M; tịch thu tiêu hủy 01 áo phông cộc tay của Trần Văn T.

- Bị cáo Trần Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết Đ tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Đ của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết Đ của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết Đ tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại đã có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết Đ vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy Đ tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như trong nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác Đ: Khoảng 13h ngày 24/5/2023, tại gian bếp ăn nhà bà Nguyễn Thị L (thuộc thôn HTN, xã L Sơn, huyện Thanh L), Trần Văn T đã lén lút chiếm đoạt số tiền 500.000 đồng của bà L tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của Trần Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Mặc dù số tiền T trộm cắp được dưới 2.000.000 đồng, nhưng Trần Văn T đã bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tính đến ngày 24/5/2023 chưa được xóa án tích, lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên Trần Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy Đ tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh L truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: bị cáo có nhân thân xấu.
- Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy Đ tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy Đ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo đã nhiều lần bị kết án, lười lao động, không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội mà lựa chọn con đường tiếp tục phạm tội để có tiền tiêu xài thỏa mãn nhu cầu cá nhân, hành vi của bị cáo gây bức xúc trong dư L1 xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương đồng thời thể hiện rõ thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.
- Hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp, đang bị tạm giam nên không có thu nhập, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 500.000 đồng đã chiếm đoạt, đến nay bị cáo chưa bồi thường nên căn cứ các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Trần Văn T phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 500.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chiếc túi xách có quai giả da là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị L; 01 xe máy điện BKS: 90MĐ1 - 123.71 kèm theo 01 đăng ký xe là tài sản hợp pháp của bà Phạm Thị L1. Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh L đã ra Quyết Đ xử lý vật chứng trả lại tài sản nêu trên cho bà L, bà L1 là đúng pháp luật.
- Đối với 01 USB lưu hình ảnh liên quan đến vụ án, niêm phong ký hiệu M cần tiếp tục được lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 áo phong cộc tay thu giữ tại chỗ ở của Trần Văn T không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về vấn đề khác: Đối với ông Trần Xuân Đ, ngày 24/5/2023 đã cho T mượn xe máy điện, nhưng không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh L không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Đ là đúng pháp luật.

[8] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

1. Về hình sự: căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 329, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên bố: bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là 26/5/2023.

- Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn T.

2. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Trần Văn T phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 áo phong cộc tay có kẻ ngang màu xanh, trắng (chi tiết vật chứng như trong Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 04/8/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh L với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh L).

- Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án 01 USB lưu hình ảnh liên quan đến vụ án, niêm phong ký hiệu M.

4. Án phí: Trần Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy Đ của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy Đ tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh L;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh L;
- Chi cục THA DS huyện Thanh L;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Quang Ái